

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/ST – HNGĐ
Ngày 30/3/2023
“Về việc: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Thảo và ông Thái Doãn Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST – HNGĐ ngày 03/02/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị N – Sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn Đ – Sinh năm: 1970

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị N vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị N trình bày:*

Chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên thời gian kết hôn đã lâu nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Sau khi kết hôn một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không

chịu khó làm ăn. Đến năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ có 3 người con chung là Hồ Thị Y – Sinh năm: 1996, Hồ Văn L – Sinh năm: 1998 và Hồ Thị T – Sinh năm: 2001. Nay cả 03 con chung đã trưởng thành, tự lo cho bản thân được nên chị N không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ: Chị Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Văn Đ vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Văn Đ trình bày:

Anh Hồ Văn Đ và chị Võ Thị N kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là thời gian này, anh Đ đi làm ăn ở nước ngoài về thì vợ chồng xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm nên anh Đ đã đuổi chị N ra khỏi nhà nên chị N đã về quê ở huyện Nam Đàn sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, sau đó anh Đ cũng đã về quê xin lỗi chị N và bàn chị N về nhà đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Đến tết năm 2022, anh Đ tiếp tục về quê gặp chị N để bàn chị N về đoàn tụ nhưng chị N vẫn không chấp nhận. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ thì anh Đ không muốn ly hôn mong vợ chồng về đoàn tụ vì con cái đã lớn. Tuy nhiên, nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh Đ cũng chấp nhận ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 3 người con chung là Hồ Thị Y – Sinh năm: 1996, Hồ Văn L – Sinh năm: 1998 và Hồ Thị T – Sinh năm: 2001. Nay cả 03 con chung đã trưởng thành nên anh Đ không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án đã xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn” mà bị đơn cư trú tại xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào năm 1995, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống với nhau tại xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An và đã sinh được 03 con chung. Sau khi kết hôn một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không chịu khó làm ăn. Đến năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng nên anh Đ đã đuổi chị N ra khỏi nhà nên chị N đã về quê ở huyện Nam Đàn sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ khai nhận có mâu thuẫn vợ chồng và có đuổi chị N nên chị N về quê sinh sống. Tuy nhiên, sau đó anh Đ cũng đã về quê xin lỗi chị N và bàn chị N về nhà đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Đến tết năm 2022, anh Đ tiếp tục về quê gặp chị N để bàn chị N về đoàn tụ nhưng chị N vẫn không chấp nhận. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ thì anh Đ không muốn ly hôn mong vợ chồng về

đoàn tụ vì con cái đã lớn. Tuy nhiên, nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh Đ cũng chấp nhận ly hôn chị N.

Xét thấy, chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào năm 1995, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống với nhau tại xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã xác nhận không có thông tin, hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ tại UBND xã N, huyện N. Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An xác nhận: Chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ có sinh sống tại xã B, huyện A, tỉnh Nghệ An nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện A. Ngoài ra, chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào năm 1995. Vì vậy, việc chị N và anh Đ chung sống với nhau từ năm 1995 không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hiện tại, chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ không chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ và anh Đ cũng chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị N. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ có 3 người con chung là Hồ Thị Y – Sinh năm: 1996, Hồ Văn L – Sinh năm: 1998 và Hồ Thị T – Sinh năm: 2001. Nay cả 03 con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ*: Chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ trình bày không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Võ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng**: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- **Tuyên xử**;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Hồ Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Võ Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ngày 03/2/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

